

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**

---

**HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2023**





**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 40

101202  
CÔNG  
RÁCH NH  
ÊM TOÁN  
VIỆ  
AU GI

1910





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)
Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)
Ông Lê Văn Nghĩa	Kế toán trưởng

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

228-C  
CÔNG TY  
M HỮU  
VÀ Đ  
NA  
Y-T

1950  
1951  
1952  
1953  
1954



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**



**Chu Văn Đệ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

100-1000





Số: 1408.03-23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi : Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết hoạt động quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

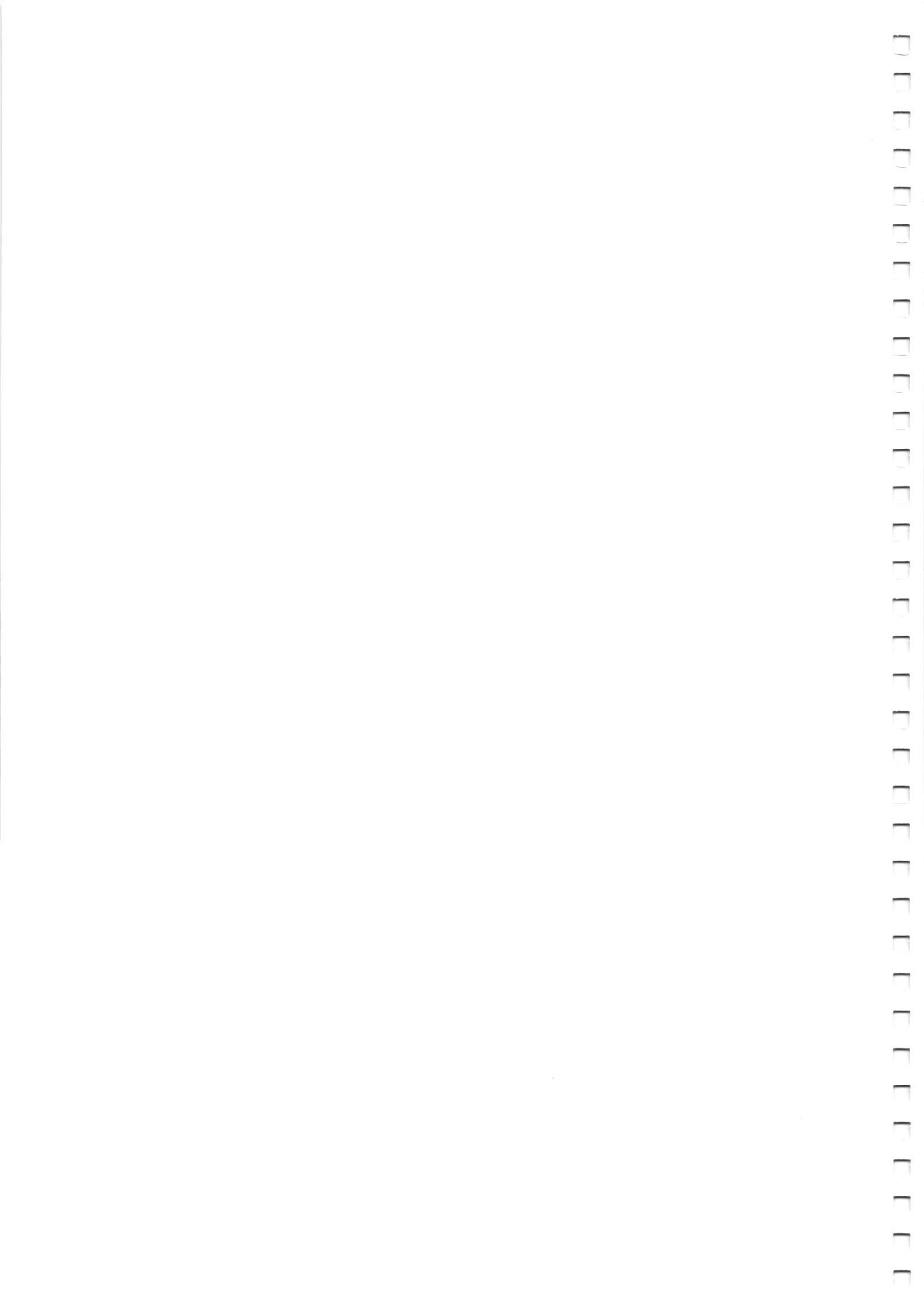
**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Ngô Bá Duy**  
**Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**





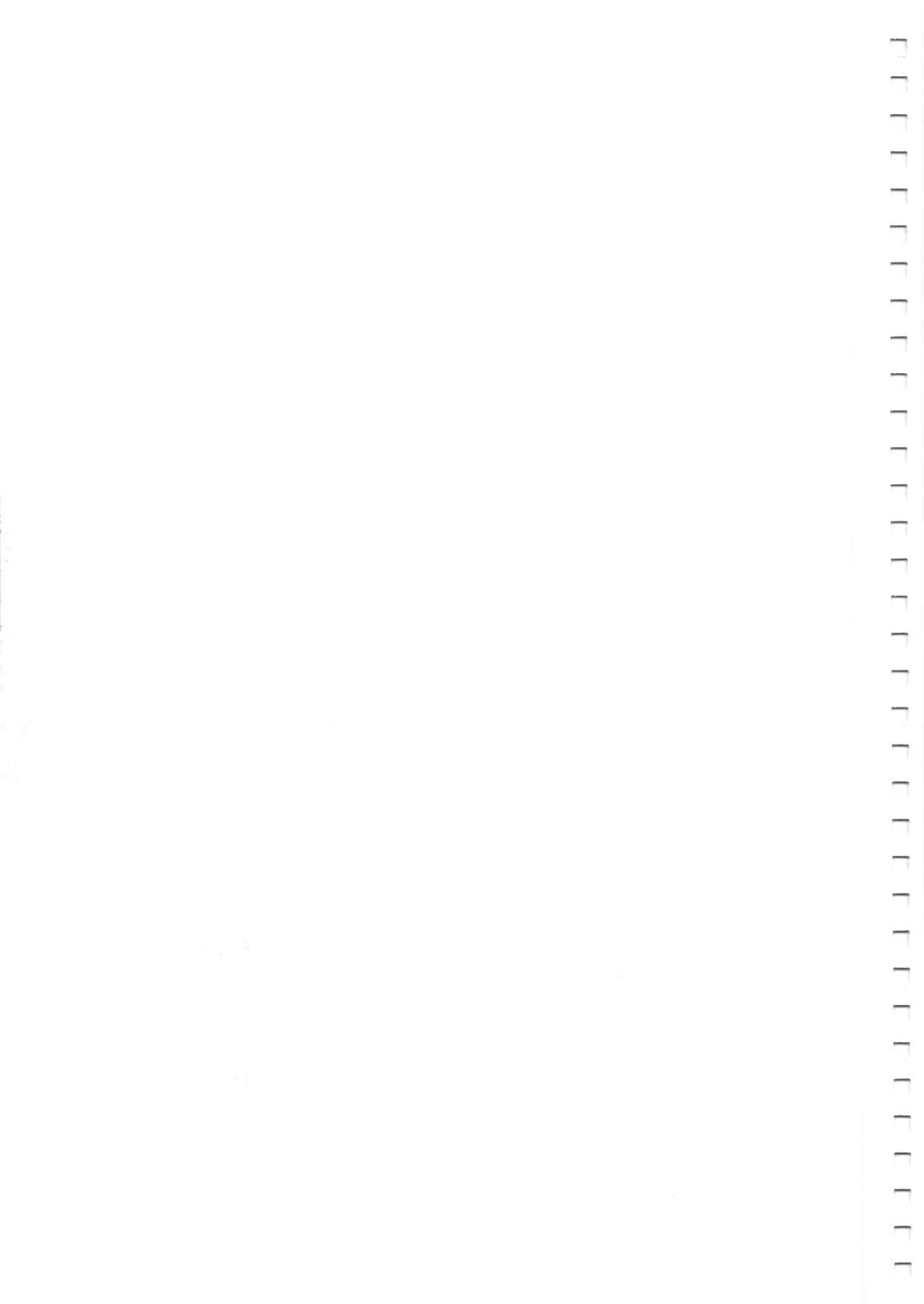
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.642.904.146</b>	<b>199.781.048.170</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>28.829.270.420</b>	<b>83.540.746.416</b>
1. Tiền	111		28.829.270.420	83.540.746.416
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.704.778.418</b>	<b>89.618.403.812</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	58.293.650.620	56.821.302.724
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	11.127.504.514	118.493.826
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	45.000.000.000	45.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	4.566.555.527	142.020.297
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.282.932.243)	(12.463.413.035)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8.</b>	<b>31.311.113.014</b>	<b>24.723.997.793</b>
1. Hàng tồn kho	141		36.343.894.001	30.790.124.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.032.780.987)	(6.066.126.864)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.797.742.294</b>	<b>1.897.900.149</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	653.206.322	739.933.657
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15.	1.144.535.972	1.157.966.492
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>206.210.155.125</b>	<b>218.617.414.376</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>6.500.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	-	6.500.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>136.556.354.115</b>	<b>141.162.471.425</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10.	126.568.130.317	131.188.912.080
- Nguyên giá	222		326.681.982.609	322.272.408.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.113.852.292)	(191.083.495.983)
2. TSCĐ vô hình	227	V.11.	9.988.223.798	9.973.559.345
- Nguyên giá	228		10.535.633.720	10.435.633.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(547.409.922)	(462.074.375)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>74.750.909</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	74.750.909	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>62.640.163.389</b>	<b>63.394.835.186</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(754.671.797)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.938.886.712</b>	<b>7.560.107.765</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	6.938.886.712	7.560.107.765
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>374.853.059.271</b>	<b>418.398.462.546</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.064.828.695</b>	<b>166.153.008.565</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.264.828.695</b>	<b>164.853.008.565</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	26.285.441.198	59.525.374.095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	70.463.124.493	55.509.114.422
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15.	614.596.071	3.165.975.968
4. Phải trả người lao động	314		7.111.941.395	24.079.622.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	3.428.454.833	2.353.834.999
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	-	3.247.619.490
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	11.310.606.383	11.560.624.425
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.	-	2.756.985.771
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.050.664.322	2.653.856.532
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	1.300.000.000	800.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20.	500.000.000	500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>247.788.230.576</b>	<b>252.245.453.981</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21.</b>	<b>247.788.230.576</b>	<b>252.245.453.981</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.652.590.651	23.109.814.056
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.959.029.150	6.959.029.150
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.693.561.501	16.150.784.906
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>374.853.059.271</b>	<b>418.398.462.546</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu



Trần Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)





Handwritten text on the left margin, possibly a page number or reference code.





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		11.735.856.254	4.169.465.768
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.115.691.856	9.189.679.620
-	Các khoản dự phòng	03		(3.216.140.643)	(13.854.306.666)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.438.623)	(95.558.739)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.736.702.230)	(753.970.129)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.895.266.614	(1.344.690.146)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.129.488.875)	78.729.046.069
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.553.769.344)	3.695.900.165
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(41.881.866.122)	(81.415.942.106)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		707.948.388	(1.025.842.982)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.412.593.443)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.128.977.116)	(951.477.184)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(52.090.886.455)</b>	<b>(4.725.599.627)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.584.325.455)	(6.186.105.498)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	66.296.296
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.963.622.971	177.094.016
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.620.702.484)</b>	<b>(35.942.715.186)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.375.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(2.375.000)</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(54.711.588.939)	(40.670.689.813)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		83.540.746.416	89.474.427.310
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		112.943	1.488.459
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	28.829.270.420	48.805.225.956

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Chu Văn Đệ

**BIÊN BẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

...  
...

...  
...

...

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị tính
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...

...



...

...

...

...

...

...



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 so Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 số 0100109339 ngày 07/07/2023 về thay đổi người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

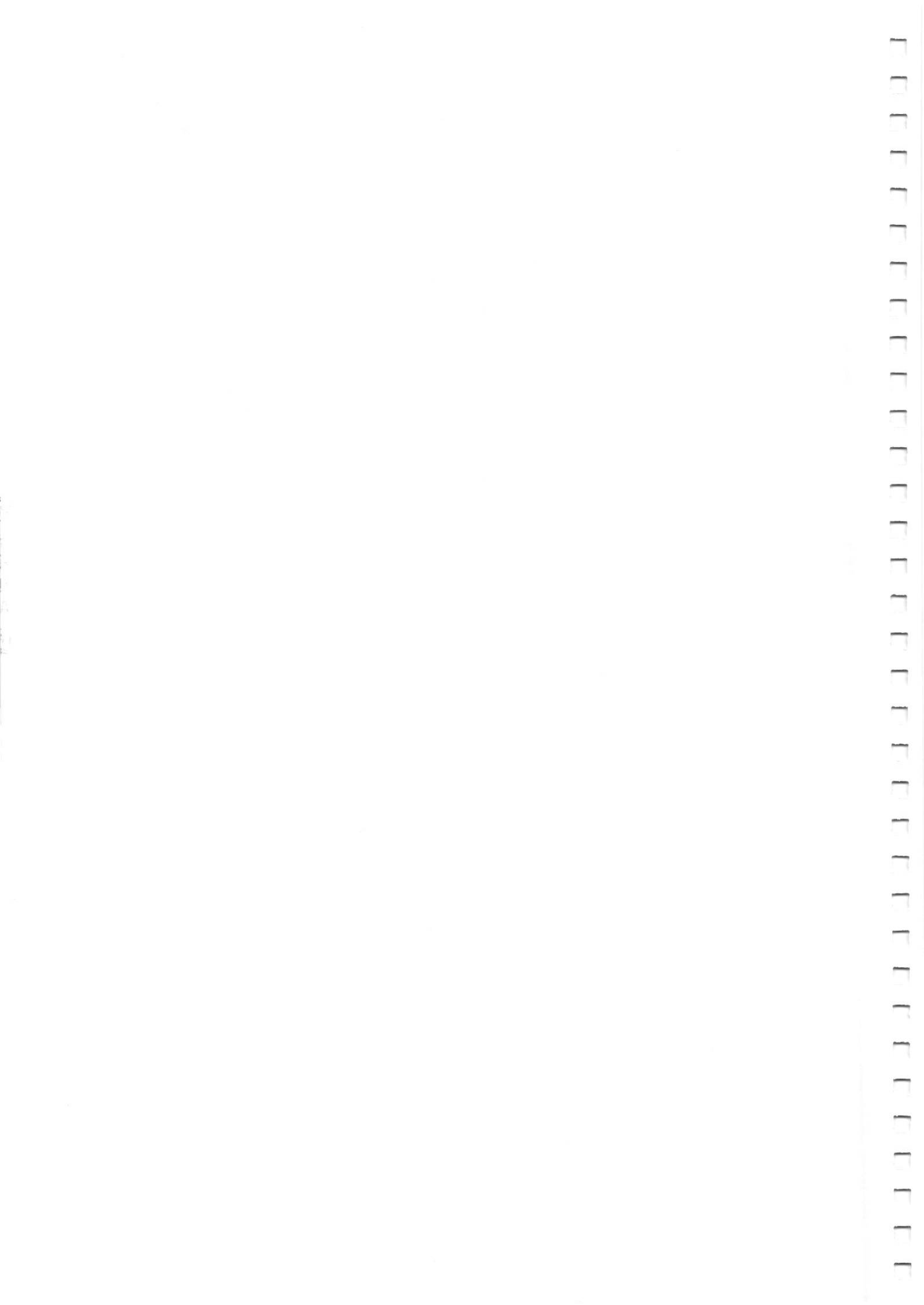
Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng./.

**Trụ sở chính của Công ty:** Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp*****Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp:***

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Số 04 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

***Danh sách Công ty liên kết***

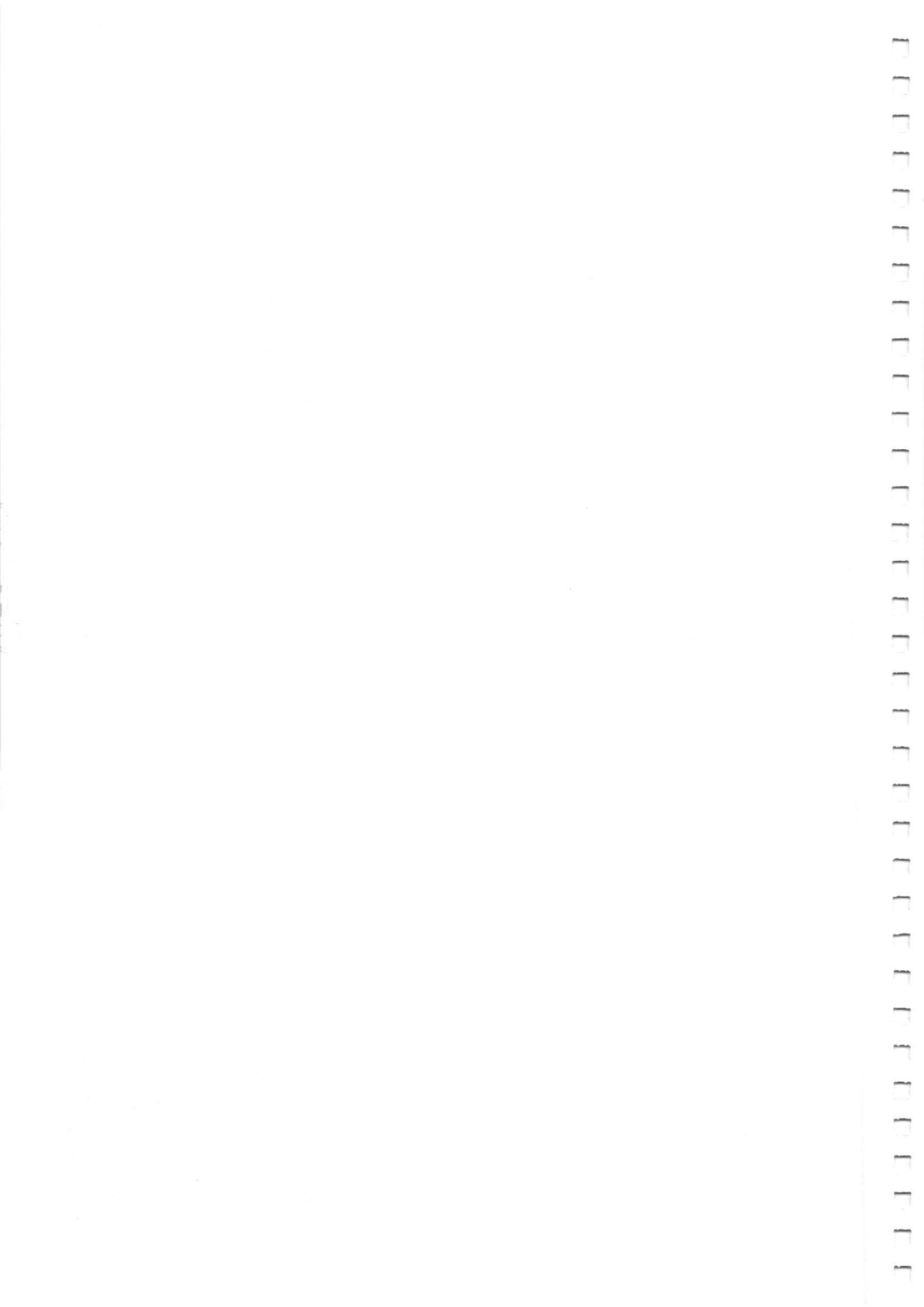
Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

***Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:***

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
2. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
3. Xí nghiệp May 3	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động công ty có 617 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 655 nhân viên).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**IV. Các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán

Handwritten notes and a circular stamp on the left margin.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**2. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**4. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

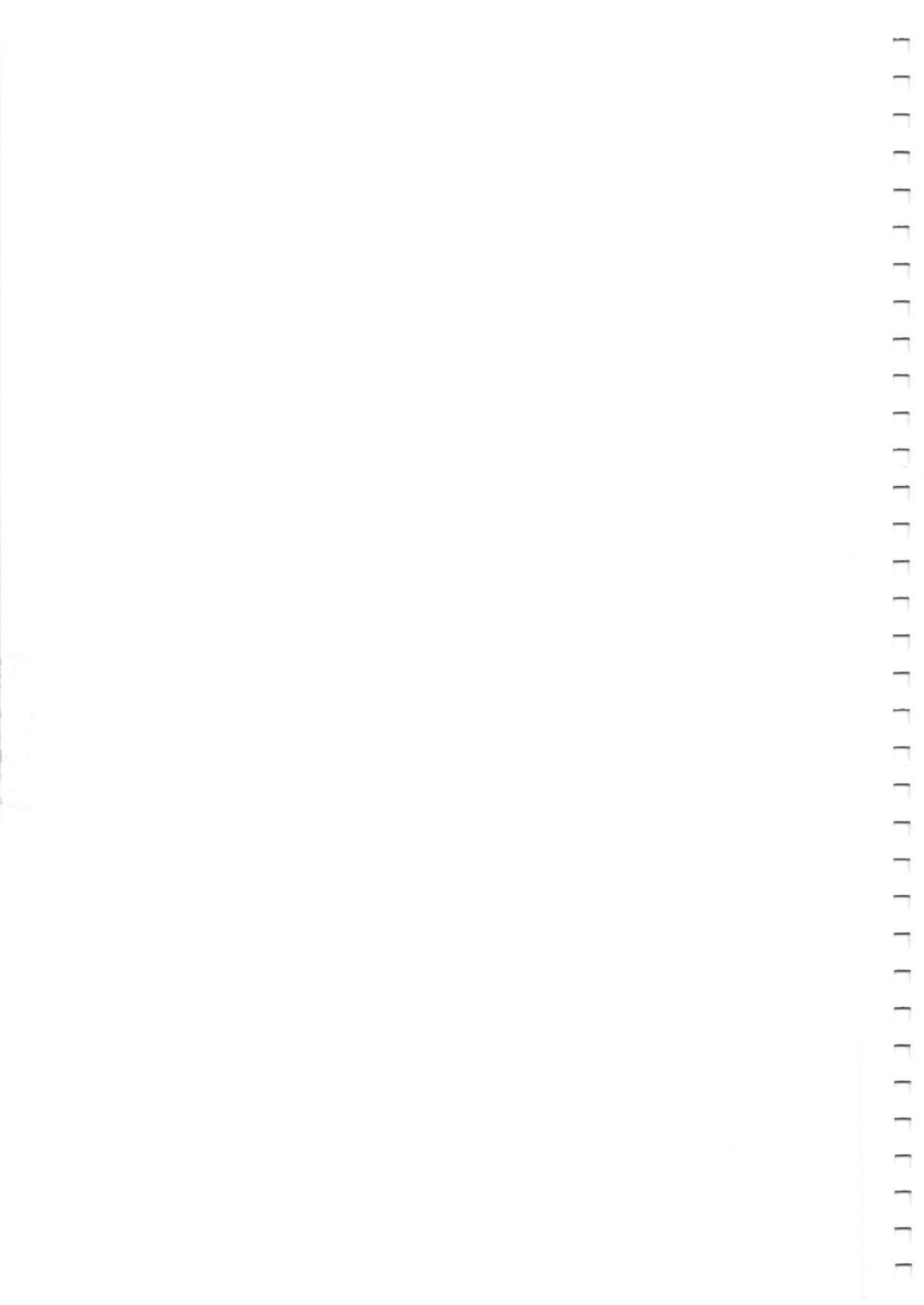
Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****9.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**9.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm và Bản quyền, bằng sáng chế.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

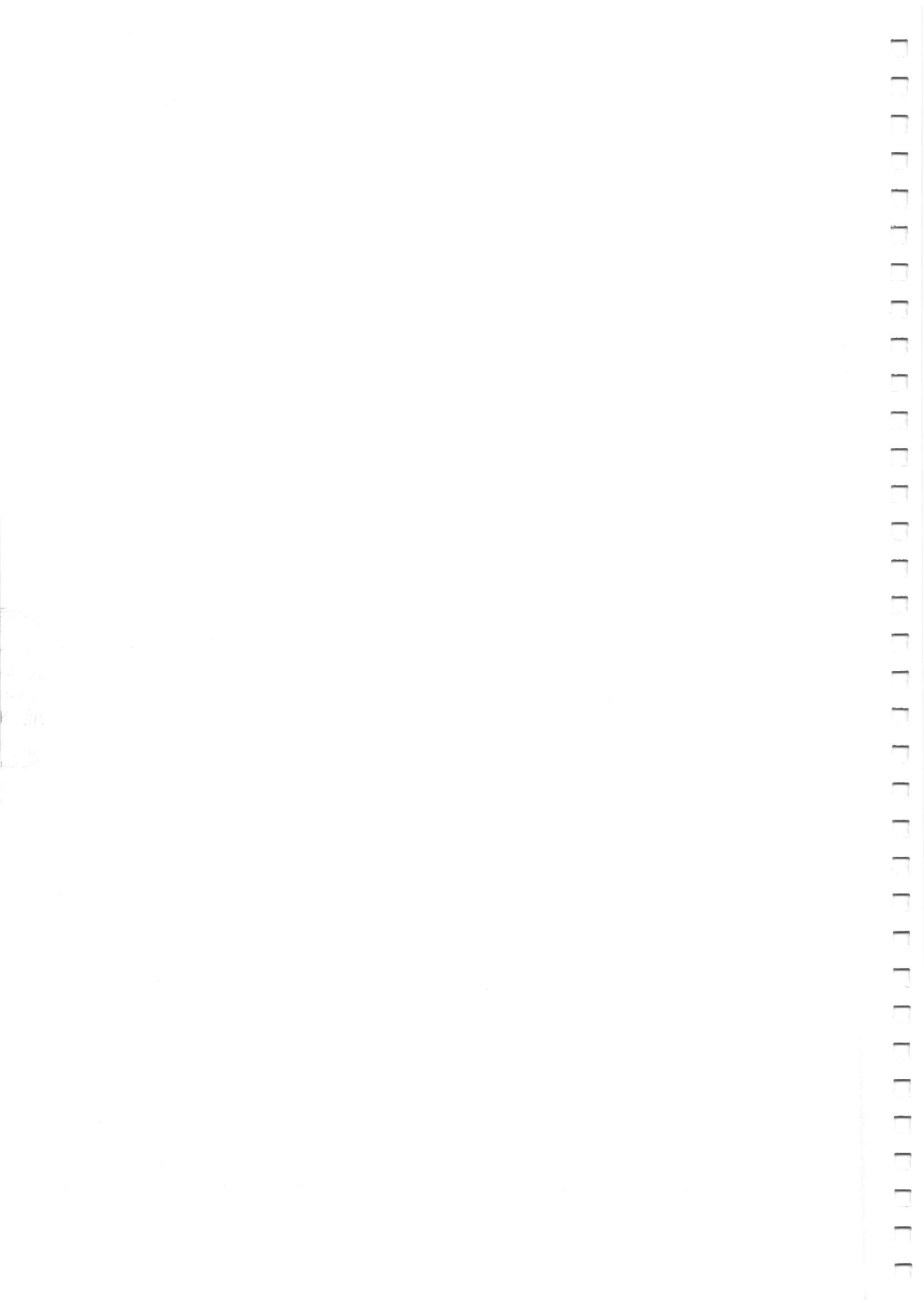
Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền lương nghỉ phép, chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Chi phí lãi vay được trích trước căn cứ vào các Hợp đồng vay và các kế ước vay từng lần.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng kinh doanh hàng may mặc đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hàng các mặt hàng may mặc.

**16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

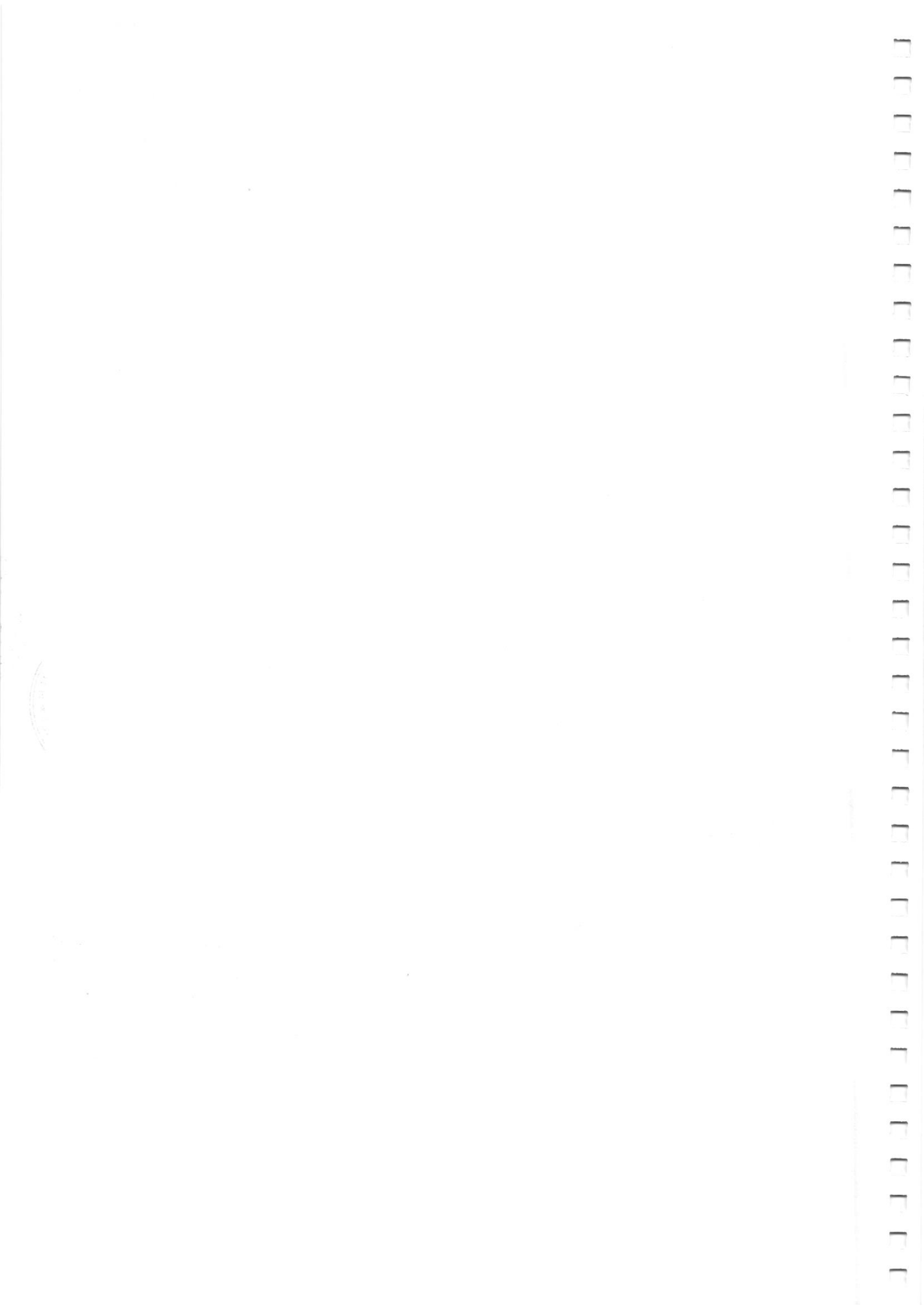
***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

**20. Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

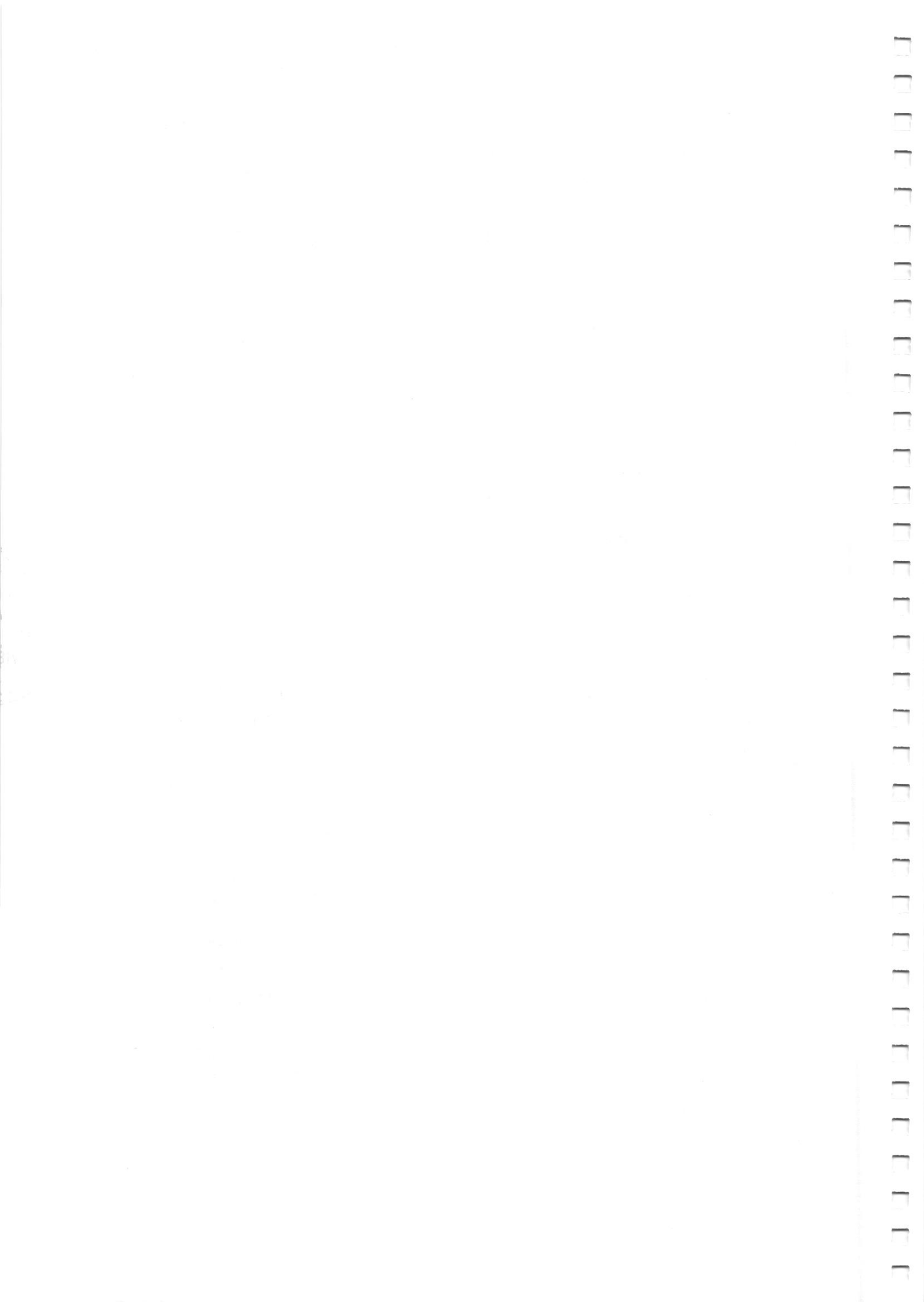
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ****1. Tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.140.170.538	1.282.387.830
Tiền gửi ngân hàng	25.689.099.882	82.258.358.586
<b>Cộng</b>	<b>28.829.270.420</b>	<b>83.540.746.416</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

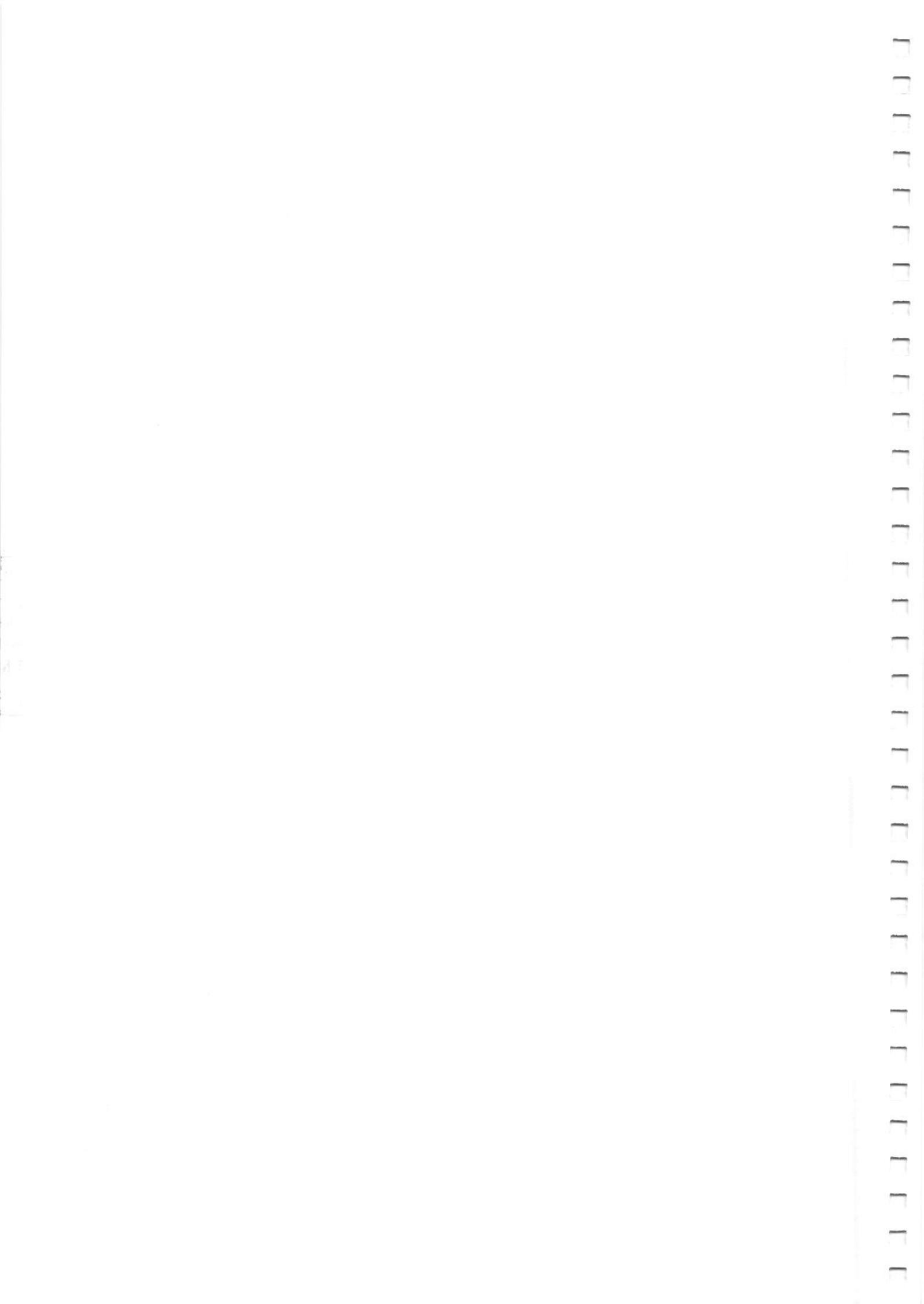
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>61.735.835.186</b>	<b>(754.671.797)</b>	<b>60.981.163.389</b>	<b>61.735.835.186</b>	-	<b>61.735.835.186</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (i)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (ii)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	9.500.000.000	-	9.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (iii)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	38.235.835.186	-	38.235.835.186
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (iv)	6.000.000.000	(754.671.797)	5.245.328.203	6.000.000.000	-	6.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.659.000.000</b>	-	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>	-	<b>1.659.000.000</b>
Công ty Cổ phần 199 (v)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.394.835.186</b>	<b>(754.671.797)</b>	<b>62.640.163.389</b>	<b>63.394.835.186</b>	-	<b>63.394.835.186</b>

- (i) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.
- (ii) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.
- (iii) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.
- (iv) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

- (v) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 30/06/2023, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**3. Phải thu của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	9.607.626.971	(9.523.023.971)	9.523.026.971	(9.523.026.971)
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	12.207.481.753	-	5.720.062.142	-
Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Kim Ánh	3.172.471.616	-	1.160.824.574	-
Bộ tư lệnh Hải quân - Bộ Quốc phòng	4.459.601.600	-	-	-
Ban chỉ huy quân sự Quảng Ninh - Quân khu 3	7.031.345.300	-	-	-
Đoàn Nghi lễ quân đội 781	5.611.559.800	-	-	-
Bộ tư lệnh Biên phòng - Bộ Quốc phòng	-	-	4.801.785.784	-
Cục Dân quân tự vệ	-	-	25.847.780.400	-
Công ty TNHH Youngone Nam Định	6.593.973.989	-	1.087.021.086	-
Các đối tượng khác	9.609.589.591	(2.759.908.272)	8.680.801.767	(2.940.386.064)
<b>Cộng</b>	<b>58.293.650.620</b>	<b>(12.282.932.243)</b>	<b>56.821.302.724</b>	<b>(12.463.413.035)</b>

- b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	10.427.579.514	-
Các đối tượng khác	699.925.000	118.493.826
<b>Cộng</b>	<b>11.127.504.514</b>	<b>118.493.826</b>

- b) *Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

6.8.2017



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***5. Phải thu về cho vay**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>45.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (i)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>6.500.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (ii)	-	-	6.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>51.500.000.000</b>	-

**(i) Các khoản cho Công ty TNHH MTV X20 Nam Định vay ngắn hạn theo các hợp đồng:**

Hợp đồng cho vay số 01/2021/X20-X20ND ngày 19/04/2021 với số tiền là 15 tỷ đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, thời hạn hợp đồng tự động chuyển tiếp và quay vòng với chu kỳ 01 tháng. Lãi suất cho vay là 5,8%/ năm, tiền lãi vay được trả một lần vào ngày đáo hạn khoản vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐCV ngày 01/08/2022 thay đổi lãi suất cho vay thành 0,5%/năm.

Hợp đồng cho vay số 01/2022/X20-X20ND ngày 26/05/2022 với số tiền là 30 tỷ đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, thời hạn hợp đồng tự động chuyển tiếp và quay vòng với chu kỳ 01 tháng. Lãi suất cho vay là 4,5%/ năm, tiền lãi vay được trả một lần vào ngày đáo hạn khoản vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐCV ngày 01/08/2022 thay đổi lãi suất cho vay thành 0,5%/năm.

**(ii) Khoản cho Công ty TNHH MTV X20 Nam Định vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 02/2021/X20-X20ND ngày 21/07/2021 với số tiền là 6,5 tỷ đồng, thời hạn vay từ 21/07/2021 đến quý I/2023, lãi suất 0%/ năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐCV ngày 01/08/2022 thay đổi lãi suất cho vay thành 0,5%/năm. Khoản cho vay này đã tắt toán trong kỳ.****c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****6. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	46.000.000	-	40.000.000	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	366.000.000	-	-	-
Phải thu khác	96.032.756	-	102.020.297	-
Dự nợ phải trả khác	4.058.522.771	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.566.555.527</b>	-	<b>142.020.297</b>	-

**b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**7. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	9.607.626.971	84.603.000	9.523.026.971	-
CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	1.392.082.205	-	1.411.111.094	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	-	997.191.910	-
Công ty TNHH EKATI Việt Nam	62.632.223	-	223.611.223	-
Các đối tượng khác	308.001.934	-	308.471.837	-
<b>Cộng</b>	<b>12.367.535.243</b>	<b>84.603.000</b>	<b>12.463.413.035</b>	<b>-</b>

**8. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

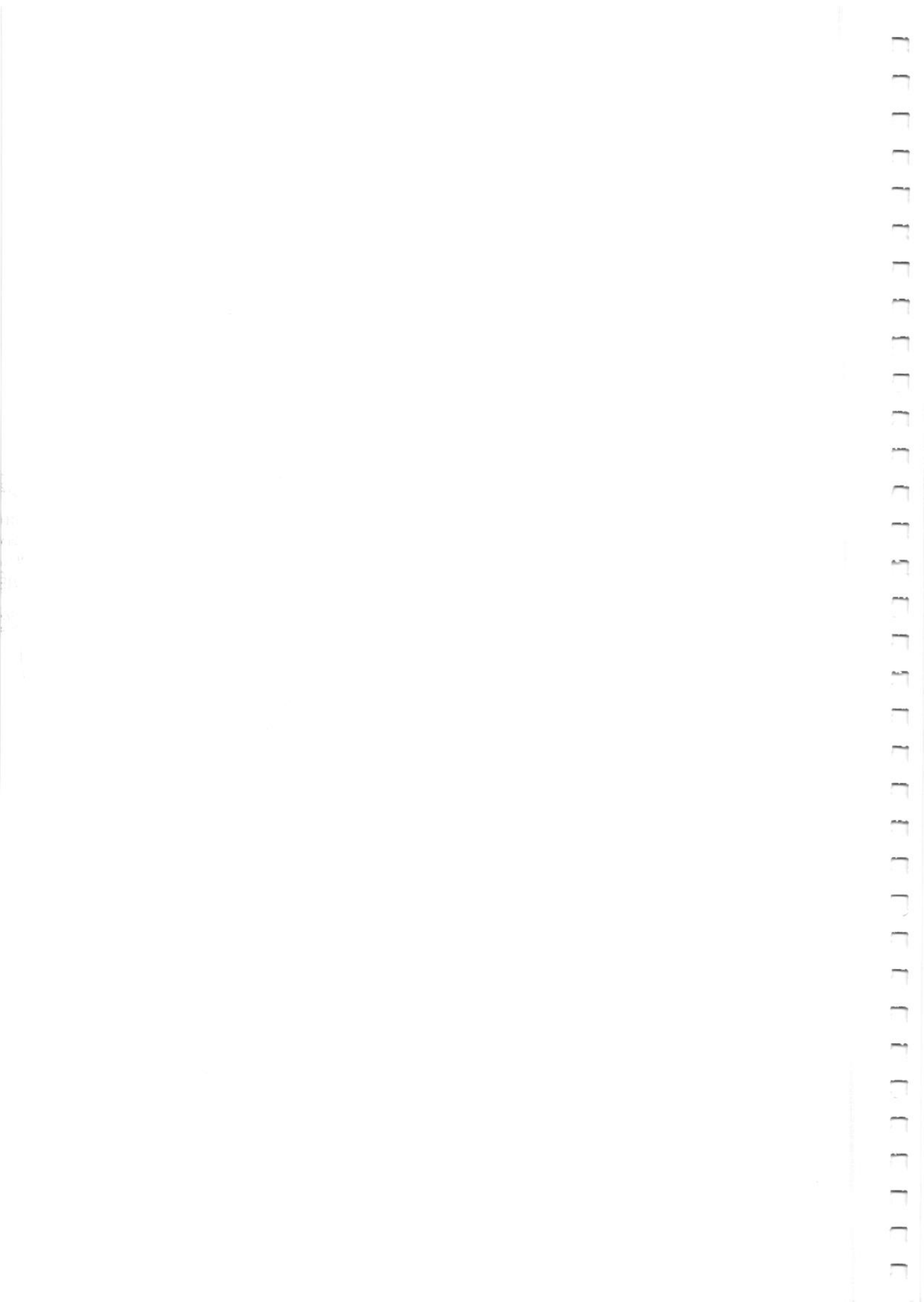
	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.233.711.181	(5.032.780.987)	12.082.383.662	(5.858.916.677)
Công cụ, dụng cụ	31.343.888	-	5.635.877	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.648.215.509	-	2.485.967.947	-
Thành phẩm	11.666.809.848	-	13.423.812.035	(207.210.187)
Hàng hoá	2.763.813.575	-	2.792.325.136	-
<b>Cộng</b>	<b>36.343.894.001</b>	<b>(5.032.780.987)</b>	<b>30.790.124.657</b>	<b>(6.066.126.864)</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND

*Chi phí sửa chữa lớn*

Các hạng mục cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy Trường mầm non	74.750.909	-
<b>Cộng</b>	<b>74.750.909</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2023	229.741.950.879	68.786.184.047	13.151.225.344	5.498.755.666	5.094.292.127	322.272.408.063
Mua trong năm	-	571.454.546	3.160.740.000	677.380.000		4.409.574.546
Số dư ngày 30/06/2023	229.741.950.879	69.357.638.593	16.311.965.344	6.176.135.666	5.094.292.127	326.681.982.609
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2023	122.887.538.359	50.813.271.892	8.503.335.954	4.499.057.651	4.380.292.127	191.083.495.983
Khấu hao trong kỳ	6.174.369.249	2.063.118.500	598.551.988	194.316.572	-	9.030.356.309
Số dư ngày 30/06/2023	129.061.907.608	52.876.390.392	9.101.887.942	4.693.374.223	4.380.292.127	200.113.852.292
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2023	106.854.412.520	17.972.912.155	4.647.889.390	999.698.015	714.000.000	131.188.912.080
Tại ngày 30/06/2023	100.680.043.271	16.481.248.201	7.210.077.402	1.482.761.443	714.000.000	126.568.130.317

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 83.934.858.736 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 78.628.275.304 đồng)

1000  
1000  
1000  
1000  
1000

1000

1000





Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	9.504.466.000	931.167.720	10.435.633.720
Mua trong kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Số dư ngày 30/06/2023	9.504.466.000	1.031.167.720	10.535.633.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	-	462.074.375	462.074.375
Khấu hao trong kỳ	-	85.335.547	85.335.547
Số dư ngày 30/06/2023	-	547.409.922	547.409.922
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2023	9.504.466.000	469.093.345	9.973.559.345
Tại ngày 30/06/2023	9.504.466.000	483.757.798	9.988.223.798

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 263.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 263.367.720 đồng)

**12. Chi phí trả trước**

30/06/2023

01/01/2023

VND

VND

**a) Ngắn hạn**

653.206.322

739.933.657

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ

72.415.893

93.937.437

Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ

155.287.062

412.025.815

Chi phí trả trước khác

425.503.367

233.970.405

**b) Dài hạn**

6.938.886.712

7.560.107.765

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ

712.689.972

3.687.411.244

Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ

6.226.196.740

3.872.696.521

**Cộng****7.592.093.034****8.300.041.422****13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

30/06/2023

01/01/2023

Giá trị

Số có khả năng  
trả nợ

Giá trị

Số có khả năng  
trả nợ**a) Ngắn hạn**Công ty TNHH MTV X20  
Nghệ An

762.807.810

762.807.810

5.691.174.862

5.691.174.862

Công ty TNHH MTV X20  
Thanh Hóa

2.420.318.394

2.420.318.394

2.995.993.885

2.995.993.885

Công ty TNHH MTV X20  
Nam Định

-

-

2.278.143.851

2.278.143.851



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Kim Ánh	2.216.043.880	2.216.043.880	2.793.120.856	2.793.120.856
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	9.064.943.388	9.064.943.388	1.081.643.091	1.081.643.091
Công ty TNHH Dệt may Hải Đăng	20.000.000	20.000.000	4.572.784.800	4.572.784.800
Công ty Cổ phần May Khang Việt	-	-	3.675.221.640	3.675.221.640
Công ty TNHH Phong Lan	1.308.601.250	1.308.601.250	6.935.061.456	6.935.061.456
Công ty Cổ phần 199	-	-	2.070.749.243	2.070.749.243
Các đối tượng khác	10.492.726.476	10.492.726.476	27.431.480.411	27.431.480.411
<b>Cộng</b>	<b>26.285.441.198</b>	<b>26.285.441.198</b>	<b>59.525.374.095</b>	<b>59.525.374.095</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

## 14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	69.540.778.460	55.129.592.353
Các đối tượng khác	922.346.033	379.522.069
<b>Cộng</b>	<b>70.463.124.493</b>	<b>55.509.114.422</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

## 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
a) <b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	3.154.095.073	2.904.241.835	5.443.740.837	614.596.071
Thuế thu nhập cá nhân	11.880.895	244.657.224	256.538.119	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	159.944.731	159.944.731	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	340.560.000	340.560.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.165.975.968</b>	<b>3.656.403.790</b>	<b>6.207.783.687</b>	<b>614.596.071</b>
b) <b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.157.966.492	42.294.753	-	1.115.671.739
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	28.864.233	28.864.233
<b>Cộng</b>	<b>1.157.966.492</b>	<b>42.294.753</b>	<b>28.864.233</b>	<b>1.144.535.972</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**16. Chi phí phải trả**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	260.000.000	1.277.000.000
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng năm 2023	2.044.451.876	-
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	165.167.958	118.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.428.454.833</b>	<b>2.353.834.999</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu sản xuất hàng quân trang chưa thực hiện	-	3.247.619.490
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.247.619.490</b>

**18. Phải trả khác**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.310.606.383</b>	<b>11.560.624.425</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	160.651.216	293.252.607
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	750.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.399.955.167	10.517.371.818
<b>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</b>	<b>8.846.700.000</b>	<b>221.700.000</b>
- Bộ Quốc Phòng	6.185.595.000	-
- Các đối tượng khác	2.661.105.000	221.700.000
Trợ cấp thôi việc	227.303.333	204.495.054
Các quỹ khác của Công ty	266.924.638	238.671.138
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.059.027.196	9.852.505.626
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.300.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.610.606.383</b>	<b>12.360.624.425</b>

c) **Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

1950  
1951  
1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**19. Dự phòng phải trả**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	2.756.985.771
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.756.985.771</b>

**20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Trích lập quỹ	-	-
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2022</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>26.792.822.713</b>	<b>199.292.822.713</b>
Lãi trong năm trước	-	16.150.784.906	16.150.784.906
Chia cổ tức	-	(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(11.208.793.563)	(11.208.793.563)
<b>Số dư ngày 31/12/2022</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>23.109.814.056</b>	<b>195.609.814.056</b>
Lãi trong kỳ này	-	11.693.561.501	11.693.561.501
Chia cổ tức (*)	-	(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.525.784.906)	(7.525.784.906)
<b>Số dư ngày 30/06/2023</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>18.652.590.651</b>	<b>191.152.590.651</b>

(\*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2023 thì Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 7.525.784.906 đồng và chia cổ tức 5% trên Vốn điều lệ là 8.625.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí nhân công	giờ	100	10000	1000000
2	Chi phí vật tư	kg	500	20000	10000000
3	Chi phí vận chuyển	km	100	10000	1000000
4	Chi phí quản lý	%		10%	1100000
5	Chi phí thuế GTGT	%		10%	1210000
6	<b>Tổng cộng</b>				<b>13310000</b>

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001

ĐƠN TÍNH GIÁ DỊCH VỤ  
 CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ  
 SỐ QUẢN LÝ: 001





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>8.625.000.000</b>	<b>8.625.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu****e) Các quỹ của doanh nghiệp**

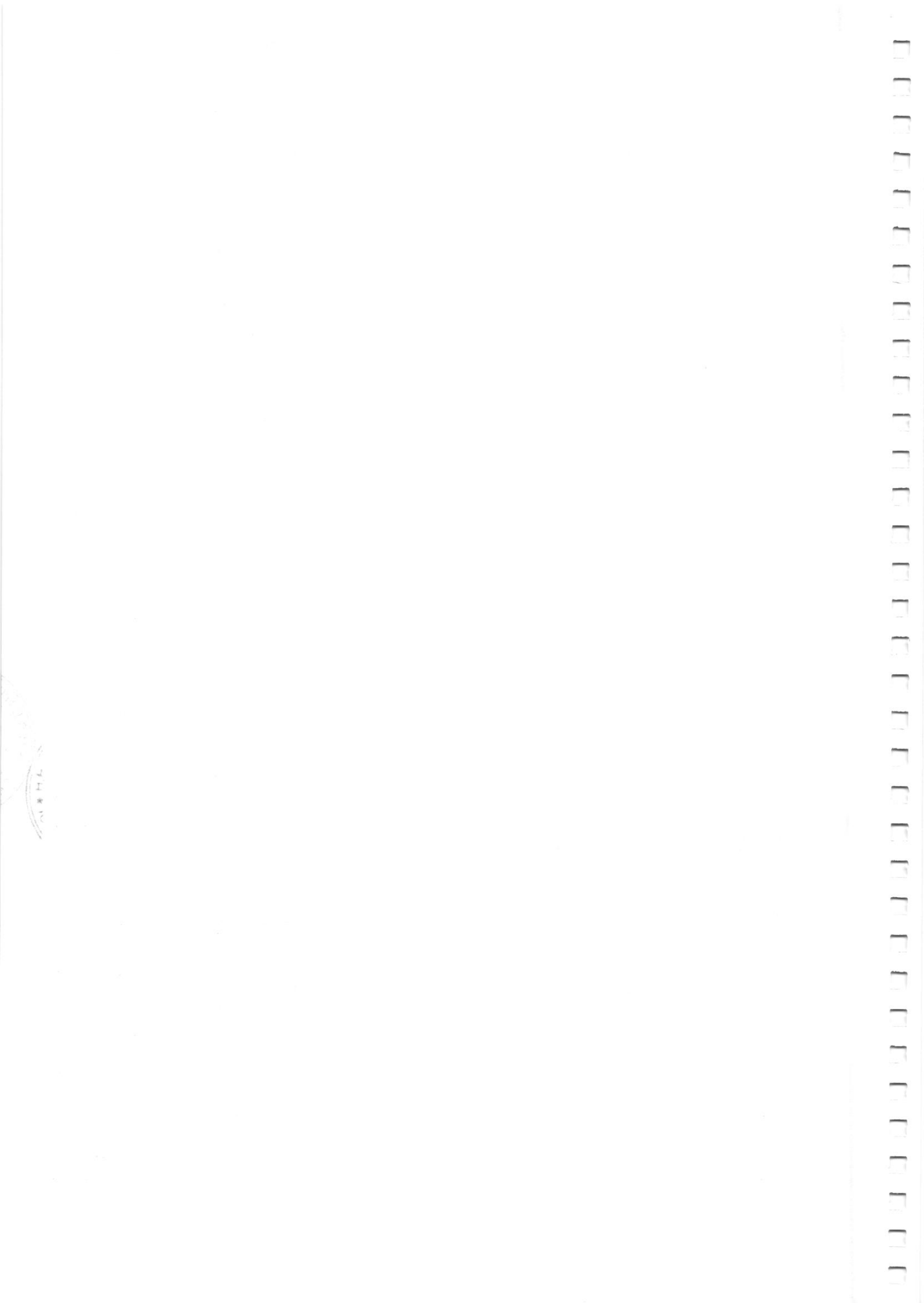
Khoản mục	Đơn vị tính: VND			30/06/2023
	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925
<b>Cộng</b>	<b>56.635.639.925</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.635.639.925</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2023	01/01/2023
Dollar Mỹ (USD)	888,42	80.651,80



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	310.761.376.214	367.542.721.515
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.326.899.140	8.620.471.497
<b>Cộng</b>	<b>324.088.275.354</b>	<b>376.163.193.012</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	288.859.162.877	346.211.751.174
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.628.334.549	6.844.012.543
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.033.345.877)	(6.975.274.940)
<b>Cộng</b>	<b>294.454.151.549</b>	<b>346.080.488.777</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.963.622.971	739.285.797
Lợi nhuận của Công ty con ghi nhận trước	11.773.079.259	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	57.459.263	332.075.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	3.438.623	95.558.739
<b>Cộng</b>	<b>13.797.600.116</b>	<b>1.166.919.936</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.781.667	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	754.671.797	-
<b>Cộng</b>	<b>756.453.464</b>	<b>-</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**5. Thu nhập khác**

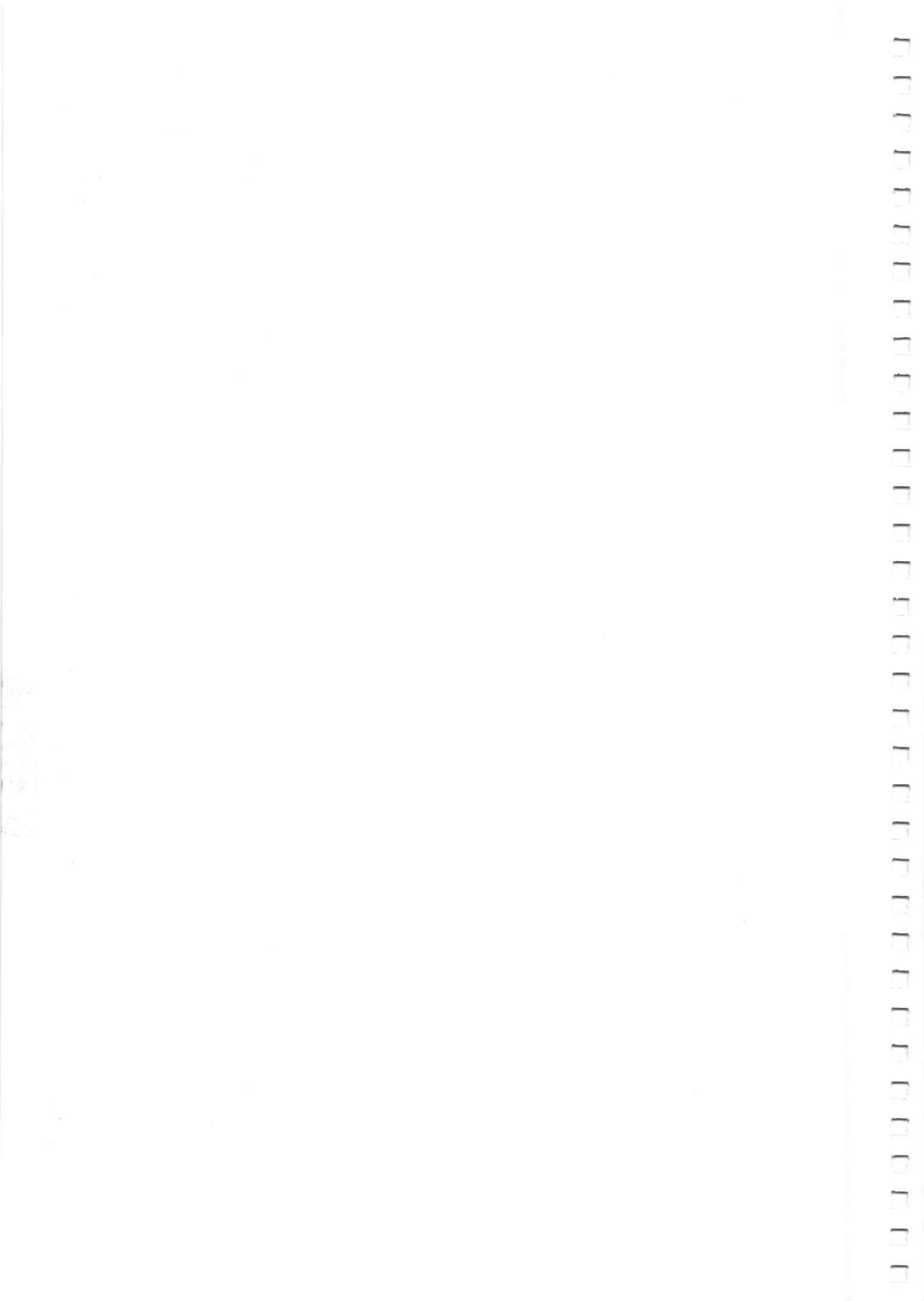
	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC	-	14.684.332
Thu phí bảo vệ và vệ sinh bùồng thẻ ATM	8.181.818	8.181.818
Thu nhập khác	-	30
<b>Cộng</b>	<b>8.181.818</b>	<b>22.866.180</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí khác	22.055.070	1
<b>Cộng</b>	<b>22.055.070</b>	<b>1</b>

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.780.631.196</b>	<b>8.408.046.012</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	341.015.639	381.895.061
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.472.339.415	2.017.880.803
Chi phí dụng cụ đồ dùng	71.563.740	52.193.871
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.609.135	35.171.454
Chi phí bảo hành	-	317.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.684.994	644.597.941
Chi phí bằng tiền khác	4.829.418.273	5.275.989.641
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>26.082.376.318</b>	<b>25.574.010.296</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.050.474.238	10.708.072.814
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	416.159.406	444.537.975
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.134.854.150	1.379.097.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.866.188.157	1.938.588.734
Thuế, phí, lệ phí	892.878.925	509.896.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.006.952.073	1.585.399.959
Chi phí bằng tiền khác	10.714.869.369	9.008.416.926



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.937.466.563)	(6.879.031.726)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(2.756.985.771)	(6.279.481.726)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(180.480.792)	(599.550.000)
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.854.322.032	247.743.112.388
Chi phí nhân công	32.050.748.806	42.224.010.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.115.691.856	9.189.679.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.851.803.709	70.707.871.561
Chi phí bằng tiền khác	18.016.029.354	19.836.641.098
<b>Cộng</b>	<b>125.888.595.757</b>	<b>389.701.315.418</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	11.735.856.254	4.169.465.768
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	11.773.079.259	167.022.989
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	248.696.770	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	211.473.765	4.002.442.779
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	42.294.753	800.488.556
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>42.294.753</b>	<b>800.488.556</b>
<b>10. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
<b>VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ</b>		
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>		
	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bù trừ lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	-	562.191.781
Bù trừ công nợ phải trả với khoản phải thu về cho vay	6.500.000.000	-





Section 1

Section 1

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is

The first part of the test is





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	5.232.999.627	-
Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải thu	6.596.175.523	-

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

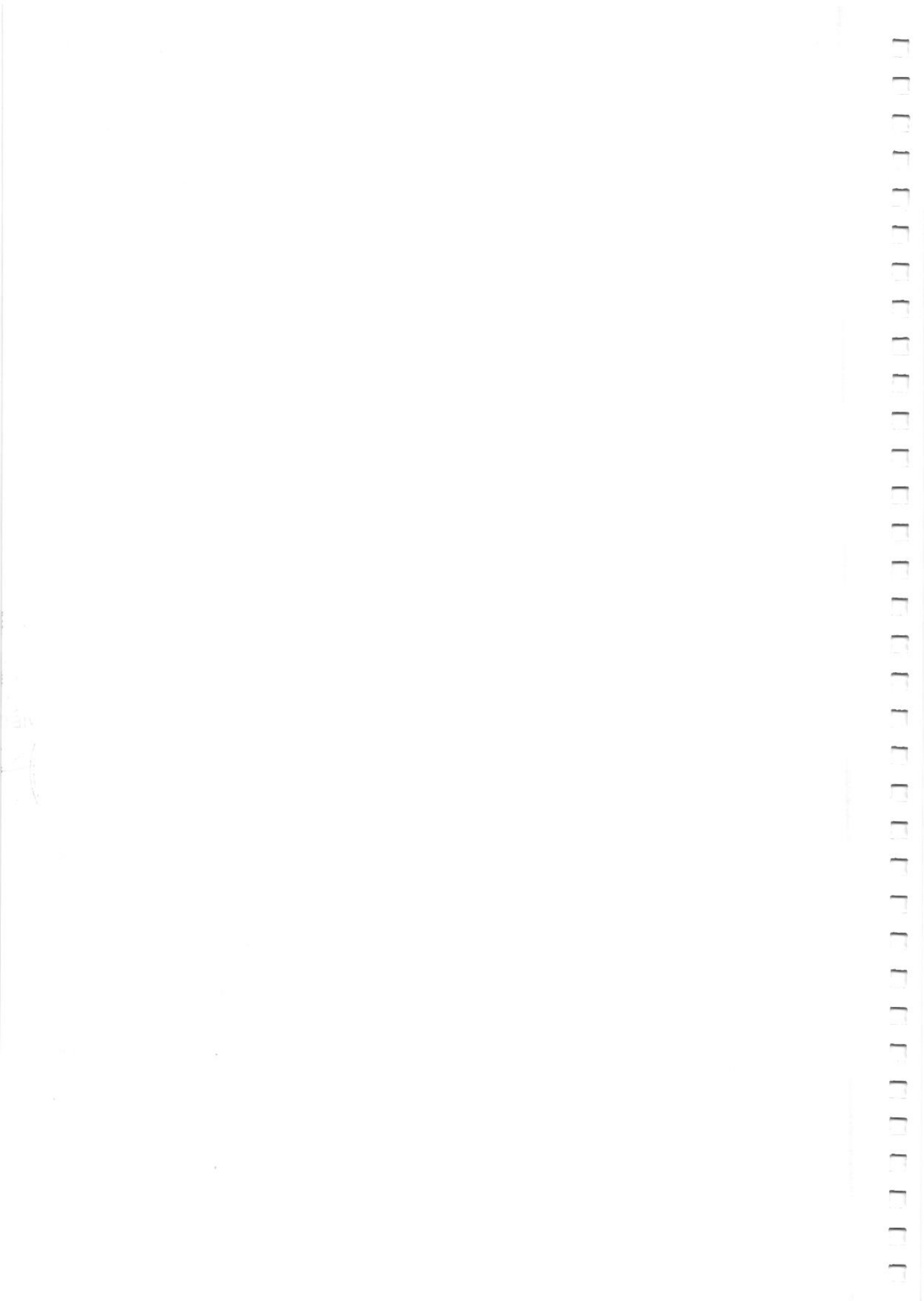
Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Công ty con
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết

**b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>2.440.591.500</b>	<b>269.520.883.088</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	-	275.102.754
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	304.870.144
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	507.616.706
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	-	341.280.878
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	263.849.334.422
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	-	1.448.105.184
Công ty Cổ phần 26	2.440.591.500	2.794.573.000



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

<b>Doanh thu bán và cho thuê tài sản, mặt bằng</b>	<b>9.207.299.731</b>	<b>6.327.159.270</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.018.595.963	804.602.830
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	5.531.361.614	3.233.859.702
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.309.230.836	1.021.585.420
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.267.111.318	1.267.111.318
Công ty Cổ phần 199	81.000.000	-
<b>Mua hàng</b>	<b>200.856.400.637</b>	<b>225.732.177.931</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	6.040.709.153	7.158.150.259
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	170.981.275.518	169.723.272.167
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.408.099.847	-
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	13.877.686.725	18.997.777.881
Công ty Cổ phần 199	7.261.849.800	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	583.892.419	21.848.942.054
Chi nhánh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	7.722.897.270
Công ty Cổ phần 22	9.700.480	-
Công ty Cổ phần 26	59.136.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	634.050.695	281.138.300
<b>Lãi cho vay</b>	<b>119.589.042</b>	<b>562.191.781</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	119.589.042	562.191.781
<b>Cho vay</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	30.000.000.000
<b>Thu hồi khoản cho vay</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	6.500.000.000	-
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>6.185.595.000</b>	<b>6.185.595.000</b>
Bộ Quốc Phòng	6.185.595.000	6.185.595.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>11.773.079.259</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	5.176.903.736	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	6.596.175.523	-
<b>c) Số dư với các bên liên quan</b>	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>14.087.132.403</b>	<b>5.755.594.574</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	12.207.481.753	5.720.062.142
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	-	35.532.432
Công ty Cổ phần 26	1.879.650.650	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>10.427.579.514</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	10.427.579.514	-



ACCOUNTS PAYABLE

ACCOUNTS PAYABLE STATEMENT

ACCOUNTS PAYABLE STATEMENT

DATE	AMOUNT	DESCRIPTION
01/01/2023	1,000,000	Opening balance
15/01/2023	500,000	Invoice received
30/01/2023	200,000	Payment received
15/02/2023	300,000	Invoice received
30/02/2023	100,000	Payment received
15/03/2023	400,000	Invoice received
30/03/2023	150,000	Payment received
15/04/2023	250,000	Invoice received
30/04/2023	100,000	Payment received
15/05/2023	350,000	Invoice received
30/05/2023	150,000	Payment received
15/06/2023	200,000	Invoice received
30/06/2023	100,000	Payment received
15/07/2023	300,000	Invoice received
30/07/2023	150,000	Payment received
15/08/2023	250,000	Invoice received
30/08/2023	100,000	Payment received
15/09/2023	350,000	Invoice received
30/09/2023	150,000	Payment received
15/10/2023	200,000	Invoice received
30/10/2023	100,000	Payment received
15/11/2023	300,000	Invoice received
30/11/2023	150,000	Payment received
15/12/2023	250,000	Invoice received
31/12/2023	100,000	Payment received
		Closing balance

Handwritten notes and stamps on the left margin.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>51.500.000.000</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	45.000.000.000	51.500.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>3.481.234.215</b>	<b>19.027.379.716</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	762.807.810	5.691.174.862
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.420.318.394	2.995.993.885
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	2.278.143.851
Công ty Cổ phần 199	-	5.500.916.183
Công ty Cổ phần 22	-	100.980.000
Công ty Cổ phần 26	-	271.960.487
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	-	1.960.419.780
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	55.416.512
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đăk Lăk	298.108.011	172.374.156
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>69.540.778.460</b>	<b>55.129.592.353</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	69.540.778.460	55.129.592.353

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.431.141.274	1.362.878.037
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	34.800.000	28.800.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	204.620.958	169.896.304
<b>Cộng</b>	<b>1.670.562.232</b>	<b>1.561.574.341</b>

**Chi tiết từng thành viên như sau:**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị (*) (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)	228.805.917	317.176.507
Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch Hội đồng quản trị (*) (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	285.372.755	236.423.750
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	265.494.802	216.836.594
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc	231.433.572	255.184.972
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc	224.322.178	176.504.313
Ông Lê Văn Nghĩa	Kế toán trưởng	195.712.050	160.751.901

1901-1902



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

<b>Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị</b>		<b>34.800.000</b>	<b>28.800.000</b>
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập	17.400.000	14.400.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập	17.400.000	14.400.000
<b>Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát</b>		<b>204.620.958</b>	<b>169.896.304</b>
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban (chuyên trách)	185.420.958	150.696.304
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	9.600.000	9.600.000
<b>Cộng</b>		<b>1.670.562.232</b>	<b>1.561.574.341</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 về miễn nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần X20 (nhiệm kỳ 2019-2024) quyết định:

- Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X20 đối với ông Vũ Văn Nhất kể từ ngày 01/07/2023.

- Thông qua kết quả bầu cử của Hội đồng quản trị, ông Chu Văn Đệ thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty và được bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X20 kể từ ngày 01/07/2023.

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	28.829.270.420	83.540.746.416
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	247.788.230.576	252.245.453.981
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.



ĐƠN CÁI TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH...  
Số tài khoản: ...  
Ngày: ...

ĐƠN CÁI TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH...  
Số tài khoản: ...  
Ngày: ...

STT	Mô tả	Số tiền
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...
8	...	...
9	...	...
10	...	...
11	...	...
12	...	...
13	...	...
14	...	...
15	...	...
16	...	...
17	...	...
18	...	...
19	...	...
20	...	...
21	...	...
22	...	...
23	...	...
24	...	...
25	...	...
26	...	...
27	...	...
28	...	...
29	...	...
30	...	...
31	...	...
32	...	...
33	...	...
34	...	...
35	...	...
36	...	...
37	...	...
38	...	...
39	...	...
40	...	...
41	...	...
42	...	...
43	...	...
44	...	...
45	...	...
46	...	...
47	...	...
48	...	...
49	...	...
50	...	...
51	...	...
52	...	...
53	...	...
54	...	...
55	...	...
56	...	...
57	...	...
58	...	...
59	...	...
60	...	...
61	...	...
62	...	...
63	...	...
64	...	...
65	...	...
66	...	...
67	...	...
68	...	...
69	...	...
70	...	...
71	...	...
72	...	...
73	...	...
74	...	...
75	...	...
76	...	...
77	...	...
78	...	...
79	...	...
80	...	...
81	...	...
82	...	...
83	...	...
84	...	...
85	...	...
86	...	...
87	...	...
88	...	...
89	...	...
90	...	...
91	...	...
92	...	...
93	...	...
94	...	...
95	...	...
96	...	...
97	...	...
98	...	...
99	...	...
100	...	...

ĐƠN CÁI TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH...  
Số tài khoản: ...  
Ngày: ...

ĐƠN CÁI TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH...  
Số tài khoản: ...  
Ngày: ...

STT	Mô tả	Số tiền
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...
5	...	...
6	...	...
7	...	...
8	...	...
9	...	...
10	...	...
11	...	...
12	...	...
13	...	...
14	...	...
15	...	...
16	...	...
17	...	...
18	...	...
19	...	...
20	...	...
21	...	...
22	...	...
23	...	...
24	...	...
25	...	...
26	...	...
27	...	...
28	...	...
29	...	...
30	...	...
31	...	...
32	...	...
33	...	...
34	...	...
35	...	...
36	...	...
37	...	...
38	...	...
39	...	...
40	...	...
41	...	...
42	...	...
43	...	...
44	...	...
45	...	...
46	...	...
47	...	...
48	...	...
49	...	...
50	...	...
51	...	...
52	...	...
53	...	...
54	...	...
55	...	...
56	...	...
57	...	...
58	...	...
59	...	...
60	...	...
61	...	...
62	...	...
63	...	...
64	...	...
65	...	...
66	...	...
67	...	...
68	...	...
69	...	...
70	...	...
71	...	...
72	...	...
73	...	...
74	...	...
75	...	...
76	...	...
77	...	...
78	...	...
79	...	...
80	...	...
81	...	...
82	...	...
83	...	...
84	...	...
85	...	...
86	...	...
87	...	...
88	...	...
89	...	...
90	...	...
91	...	...
92	...	...
93	...	...
94	...	...
95	...	...
96	...	...
97	...	...
98	...	...
99	...	...
100	...	...

ĐƠN CÁI TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH...  
Số tài khoản: ...  
Ngày: ...



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.829.270.420	83.540.746.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.577.273.904	44.499.909.986
Các khoản đầu tư tài chính	45.000.000.000	51.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.406.544.324</b>	<b>179.540.656.402</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	38.896.047.581	71.885.998.520
Chi phí phải trả	3.428.454.833	2.353.834.999
<b>Cộng</b>	<b>42.324.502.414</b>	<b>74.239.833.519</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)		
- Tiền	20.797.912	1.888.058.638
- Phải thu của khách hàng	2.205.303.935	1.426.677.971

555  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>30/06/2023</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	37.596.047.581	1.300.000.000	<b>38.896.047.581</b>
Chi phí phải trả	3.428.454.833	-	<b>3.428.454.833</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2023</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	71.085.998.520	800.000.000	<b>71.885.998.520</b>
Chi phí phải trả	2.353.834.999	-	<b>2.353.834.999</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

11/11/11

11/11/11





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>30/06/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.829.270.420	-	28.829.270.420
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.577.273.904	-	50.577.273.904
Các khoản đầu tư tài chính	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.540.746.416	-	83.540.746.416
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.499.909.986	-	44.499.909.986
Các khoản đầu tư tài chính	45.000.000.000	6.500.000.000	51.500.000.000

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Thị Thúy Hằng

Lê Văn Nghĩa

Chu Văn Đệ

Báo cáo tài chính năm 2023  
 Báo cáo tài chính năm 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2023	2022
Tổng tài sản	USD	1.200.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ	USD	500.000.000	400.000.000
Vốn chủ sở hữu	USD	700.000.000	600.000.000
Tổng thu nhập	USD	300.000.000	250.000.000
Tổng chi phí	USD	200.000.000	180.000.000
Lợi nhuận sau thuế	USD	100.000.000	70.000.000

Thông tin chi tiết về các chỉ tiêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính chi tiết kèm theo. Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Công ty.



Ngày 15 tháng 12 năm 2023  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC TÂY BẮC  
 Văn phòng Công ty



Thủ trưởng đơn vị  
 (Chữ ký và đóng dấu)

Giám đốc Công ty  
 (Chữ ký và đóng dấu)